

Bản án số: 453/2020/KDTM-PT

Ngày: 01/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án sơ thẩm số 246/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1653/2020/QĐPT-KDTM ngày 16/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 4303/2020/QĐ-HPT ngày 04/5/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM

Địa chỉ: 267/38 BDT, Phường 24, quận B, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Bà T,

Địa chỉ: 436/1B Đường BTH, Phường 12, Quận Z, TPHCM

(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/10/2019).

- Bị đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: 56A ĐD, phường T, Quận Y, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông N

Địa chỉ: 80-82 PNT, Phường 6, Quận X, TPHCM

(Theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2019).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự:

Từ tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM (sau đây gọi là Công ty Kết Nối LM) có thỏa thuận bằng lời nói với Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) các hợp đồng mua bán với nội dung Công ty Kết Nối LM bán và lắp đặt máy lạnh, vật tư ống nước, bồn chứa cho Công ty X tại các công trình gồm: Công trình Mobifone Quận 9, địa chỉ: 75 Trương Văn Thành, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Công trình cầu vượt Quang Trung, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Công trình nút giao thông Tân Kiên, khu C, D, E huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, để thuận lợi cho việc trao đổi giữa hai bên Công ty, hai bên thống nhất gọi tên thành các hợp đồng sau: Hợp đồng số 01.2017/HĐKT/ACM-QCX ngày 29/12/2017 về mua bán máy lạnh, giá trị hợp đồng 1.200.000.000 đồng; Hợp đồng số 01.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về mua bán vật tư, giá trị hợp đồng 786.063.450 đồng; Hợp đồng số 02.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về mua bán bồn composite, giá trị hợp đồng 230.000.000 đồng; Hợp đồng số 03.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về việc lắp đặt máy lạnh, giá trị hợp đồng 626.194.200 đồng.

Các hợp đồng này không có văn bản nộp cho Tòa án, lý do giữa hai bên Công ty Kết Nối LM và Công ty X là bạn bè quen biết từ lâu, hơn nữa do tính chất cấp bách của công việc là cung cấp máy lạnh, vật tư kịp thời cho các công trình của Công ty X đang thi công nên ngay sau khi đại diện của hai Công ty thỏa thuận được với nhau về việc mua bán hàng hóa, ngay lập tức hai bên thực hiện. Sau đó Công ty Kết Nối LM có gửi các bản in hợp đồng cho Công ty X nhưng do mối quan hệ quen thân và bận bịu trong việc thi công công trình, Công ty X vẫn chưa gửi lại các bản hợp đồng cho Công ty Kết Nối LM.

Trên thực tế, Công ty Kết Nối LM đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp và lắp đặt máy lạnh, vật tư, bồn chứa cho Công ty X và Công ty X đã nhận toàn bộ hàng hóa, vật tư tại công trình. Tổng giá trị mua bán, lắp đặt thực tế là 2.950.263.441 đồng. Công ty Kết Nối LM đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) gồm: Hóa đơn GTGT số 0000209 ngày 30/6/2018 số tiền là 382.045.611 đồng, Hóa đơn GTGT số 0000208 ngày 30/6/2018 số tiền là 864.669.795 đồng, Hóa đơn GTGT số 0000207 ngày 30/6/2018 số tiền là 1.118.403.000 đồng, Hóa đơn GTGT số 0000206 ngày 30/6/2018 số tiền là 253.000.000 đồng, Hóa đơn GTGT số 0000046 ngày 29/12/2017 số tiền là 508.365.000 đồng. Tổng cộng Công ty Kết Nối LM đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền là 3.126.483.406 đồng. Tuy nhiên, Công ty X mới chỉ thanh toán cho Công ty Kết Nối LM một phần công nợ là 2.140.050.000 đồng.

Ngày 18/7/2018, Công ty Kết Nối LM và Công ty X ký Bảng tổng hợp chi tiết công nợ và Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó xác định tổng giá trị của các hợp đồng là 2.950.263.441 đồng, Công ty X đã thanh toán 2.140.050.000 đồng, còn nợ 810.213.441 đồng. Ngày 28/9/2018, Công ty Kết Nối LM yêu cầu Công ty X thanh toán toàn bộ số tiền 810.213.441 đồng trước ngày 05/10/2018 nhưng Công ty X vẫn không thanh toán. Do đó Công ty Kết Nối LM có đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 yêu cầu Tòa án buộc Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Kết Nối LM số tiền gốc còn nợ là 810.213.441 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 05/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Công ty X đã thanh toán thêm cho Công ty Kết Nối LM một phần công nợ vào các ngày 29/8/2019, 06/9/2019, 04/10/2019, 17/10/2019, 21/11/2019, mỗi lần 100.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, Công ty X còn nợ Công ty Kết Nối LM số tiền nợ gốc là 310.213.441 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Kết Nối LM số tiền gốc còn nợ là 310.213.441 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 05/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử căn cứ trên số tiền nợ gốc giảm dần tạm tính là 84.194.179 đồng. Tổng cộng gốc và lãi tạm tính là 394.407.620 (ba trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm hai mươi) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất, nhưng bị đơn Công ty TNHH X vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH X có người đại diện hợp pháp là ông N có mặt và trình bày:

Giữa Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) và Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM (sau đây gọi là Công ty Kết Nối LM) có nhiều mối quan hệ hợp tác nhưng không ký kết hợp đồng nên khi Công ty Kết Nối LM lắp đặt hàng hóa thì vẫn chưa nghiệm thu các công trình. Do đó yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để triệu tập thêm chủ đầu tư các công trình này để xem xét hàng hóa có trong thời gian bảo hành hay không, đã thực hiện bảo hành chưa, nếu xảy ra sự cố thì bảo hành như thế nào. Bị đơn không được biết có Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/7/2018 giữa Công ty X và Công ty Kết Nối LM hay không nên yêu cầu giám định chữ ký và con dấu của đại diện Công ty X trên Biên bản đối chiếu công nợ này. Ngoài ra, đề nghị Tòa án xác minh làm rõ các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Kết Nối LM tại Chi cục Thuế Quận 1 vì nếu bị đơn không

thanh toán đầy đủ thì vì sao nguyên đơn lại xuất đầy đủ các hóa đơn giá trị gia tăng. Bị đơn có nhận được văn bản triệu tập của Tòa án nhưng không biết nguyên đơn tranh chấp hợp đồng nào nên không thể có ý kiến phản hồi. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và nguyên đơn có mối quan hệ hợp tác rất nhiều hợp đồng nên việc nguyên đơn tranh chấp không xác định được cụ thể là hợp đồng nào.

Bản án kinh doanh thương mại số 246/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM số tiền 394.739.650 (ba trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 310.213.441 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 84.526.209 đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 19.736.983 (mười chín triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.562.748 (mười tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007247 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, Công ty TNHH X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không xác minh các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Kết nối LM đã xuất và không trưng cầu giám định chữ ký, con dấu theo yêu cầu của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 246/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Căn cứ vào địa chỉ trụ sở của bị đơn, Tòa án nhân dân Quận 1 căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn; xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Trong quá trình xét xử sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án Quận 1 triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập thêm chủ đầu tư các công trình để xem xét vấn đề bảo hành đối với hàng hóa; trưng cầu

giám định chữ ký và con dấu trên Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/7/2018 của Công ty X, xác minh các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Kết Nối LM nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án, chỉ có mặt tại phiên tòa sơ thẩm sau khi được triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Xét thấy, bị đơn nhận được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không gửi văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thì xem như đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp đã được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra bị đơn còn xác nhận không có yêu cầu phản tố về việc tranh chấp nghĩa vụ bảo hành hàng hóa hoặc tranh chấp về chất lượng hàng hóa nên yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. LỜI trình bày của bị đơn tại phiên tòa cùng các chứng cứ tại hồ sơ phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm và quy định tại khoản 1 Điều 102, Điều 199, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu nêu trên của bị đơn là có cơ sở.

[2.2] Xem xét các hợp đồng mua bán: Tháng 12/2017 và tháng 6/2018, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận các hợp đồng mua bán và lắp đặt máy lạnh, vật tư ống nước, bồn chứa cho bị đơn tại các công trình gồm Công trình Mobifone Quận 9, địa chỉ: 75 Trương Văn Thành, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Công trình cầu vượt Quang Trung, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Công trình nút giao thông Tân Kiên, khu C, D, E huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức của hợp đồng được thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau đó, hai bên thống nhất gọi tên thành các hợp đồng sau: Hợp đồng số 01.2017/HĐKT/ACM-QCX ngày 29/12/2017 về mua bán máy lạnh, giá trị hợp đồng 1.200.000.000 đồng; Hợp đồng số 01.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về mua bán vật tư, giá trị hợp đồng 786.063.450 đồng; Hợp đồng số 02.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về mua bán bồn composite, giá trị hợp đồng 230.000.000 đồng; Hợp đồng số 03.2018/HĐKT/ACM-QCX tháng 6/2018 về việc lắp đặt máy lạnh, giá trị hợp đồng 626.194.200 đồng.

Khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.”*

Xét thấy các hợp đồng mua bán trên không vi phạm quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực và buộc các bên phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán, giao hàng và lắp đặt theo đúng thỏa thuận. Khi bên bán đã giao hàng, bên mua đã nhận đủ thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng. Nghĩa vụ của bị đơn được xác định qua các chứng cứ là Bảng tổng hợp chi tiết công nợ và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/7/2018. Nội dung Biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty X xác nhận còn nợ Công ty Kết Nối LM số tiền 810.213.441 (Tám trăm mười triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi mốt) đồng là số tiền gốc còn lại từ các hợp

đồng nêu trên. Nguyên đơn xác nhận trong quá trình Tòa án Quận 1 giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán một phần công nợ số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, còn nợ lại nguyên đơn số tiền nợ gốc là 310.213.441 (Ba trăm mười triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi một) đồng nên phải có nghĩa vụ trả đầy đủ cho nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Sau khi hai bên công ty xác nhận công nợ ngày 18/7/2018 thì nguyên đơn có công văn số 12/CV-2018 ngày 28/9/2018 yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ trước ngày 05/10/2018 nhưng bị đơn không thanh toán. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 05/10/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 05/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử căn cứ trên số tiền gốc giảm dần. Xét thấy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường được tham khảo của 3 ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận cách tính và số tiền lãi của nguyên đơn như sau:

Số tiền tính lãi (đồng)	Thời gian tính lãi	Số ngày tính lãi	Lãi suất (%/ngày)	Số tiền lãi (đồng)
810.213.441	05/10/2018 - 29/8/2019	328	0.027%	72.815.502
710.213.441	30/8/2019 - 06/9/2019	7	0.027%	1.326.189
610.213.441	07/9/2019 - 04/10/2019	27	0.027%	4.514.359
510.213.441	05/10/2019 - 17/10/2019	12	0.027%	1.677.581
410.213.441	18/10/2019 – 21/11/2019	34	0.027%	3.821.548
310.213.441	22/11/2019 – 26/11/2019	4	0.027%	335.030
Tổng cộng				84.526.209

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm buộc Công ty X phải thanh toán nợ từ các hợp đồng mua bán cho Công ty Kết nối LM là có căn cứ; Công ty X không cung cấp thêm được chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty X; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc 310.213.441 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 05/10/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 84.526.209 đồng.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty X không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 246/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 30, 38, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM số tiền 394.739.650 (Ba trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 310.213.441 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 84.526.209 đồng).

Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 19.736.983 (mười chín triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kết Nối LM tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.562.748 (mười tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, bảy

trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007247 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH X phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0005528 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Đoan Trang